

Số: /DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN  
THỜI HẠN MÙA**

(Từ tháng 3 đến tháng 8/2023)

**1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng thủy văn nổi bật trong 02 tháng qua**

**1.1. Tình hình khí tượng**

**a) Thời tiết nguy hiểm:**

- Không khí lạnh (KKL): Trong thời kỳ từ tháng 12/2022 đến nửa đầu tháng 02/2023, đã xuất hiện 11 đợt KKL vào các ngày 04/12, 12/12, 16/12, 20/12, 28/12, 02/01, 05/01, 15/01, ngày 23/01, ngày 26/01 và ngày 13/02, đã gây ra 02 đợt rét đậm vào các ngày 16-19/01 và 27-31/01. Trong đó, đợt rét đậm vào ngày 16/01 nhiệt độ thấp nhất ở một số nơi giảm xuống dưới  $3,0^{\circ}\text{C}$  như tại: Đồng Văn  $2,6^{\circ}\text{C}$ , Mẫu Sơn  $-0,1^{\circ}\text{C}$ , tại đỉnh núi Mẫu Sơn (huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn) xuất hiện băng giá.

- Mưa diện rộng: Từ tháng 12/2022 đến nay, trên cả nước đã xảy ra 05 đợt mưa lớn diện rộng vào các thời kỳ: Từ ngày 02-09/12, 16-18/12, đêm 28-30/12, 02-09/01/2023, 09-10/01/2023. Trong đó, đáng chú ý là đợt mưa 02-08/12, do ảnh hưởng của KKL kết hợp nhiều động gió Đông nên khu vực từ Hà Tĩnh đến Khánh Hòa có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to, tổng lượng mưa (TLM) phổ biến 150-350mm có nơi cao hơn như: Trà My (Quảng Nam) 755mm, Ba Tơ (Quảng Ngãi) 661mm, Nam Đông (Thừa Thiên Huế) 515mm, A Lưới (Thừa Thiên Huế) 434mm,...

Từ tháng 12/2022 đến nay, tại một số nơi có TLM tháng và lượng mưa ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) trong chuỗi số liệu quan trắc cùng thời kỳ (Bảng 1 và 2).

*Bảng 1. Danh sách trạm có tổng lượng mưa tháng 01/2023 vượt GTLS*

Trạm	TLM tháng 01 lịch sử (mm)	Năm xuất hiện	TLM tháng 01/2023 (mm)
Nam Đông	258	1999	366
Cam Ranh	93	2017	100
Song Tử Tây	584	2011	657

Trạm	TLM tháng 01 lịch sử (mm)	Năm xuất hiện	TLM tháng 01/2023 (mm)
EaKmat	33	2010	55
Lắk	28	2010	58
Vị Thanh	64	1999	85

Bảng 2. Danh sách trạm có lượng mưa ngày vượt GTLS trong tháng 01/2023

Trạm	GTLS lượng mưa ngày lớn nhất tháng 01 (mm)	Năm xuất hiện	Giá trị vượt lịch sử tháng 01 (mm)	Ngày xuất hiện
Song Tử Tây	114	2017	248	01/4/2023
EaKmat	28	1992	33	01/12/2023
Lắk	15	2010	28	01/13/2023
Vị Thanh	32	2007	33	01/11/2023

b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa:

+ Nhiệt độ trung bình:

Nhiệt độ trung bình trong tháng 12/2022 trên khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ phổ biến thấp hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) từ 0,5-1,5<sup>0</sup>C; các khu vực khác ở mức xấp xỉ (trong khoảng từ -0,5<sup>0</sup>C đến 0,5<sup>0</sup>C) so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 1).

Nhiệt độ trung bình trong tháng 01/2023 trên khu vực phía Tây Bắc Bộ, Trung Bộ thấp hơn từ 0,5-1,0<sup>0</sup>C so với TBNN; riêng khu vực phía Đông Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ nhiệt độ trung bình dao động từ xấp xỉ đến cao hơn từ 0,5-1,0<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 1). Đặc biệt, trong ngày 14/01 ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có nhiều nơi quan trắc được giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối trong ngày trên 30<sup>0</sup>C và vượt GTLS trong cùng thời kỳ tháng 01 (Bảng 3).

Trong nửa đầu tháng 02/2023, nhiệt độ trung bình tại khu vực Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế phổ biến cao hơn TBNN từ 3,0-5,0<sup>0</sup>C; các khu vực còn lại phổ biến cao hơn từ 1,5-3,0<sup>0</sup>C cùng thời kỳ.

Bảng 3. Giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối vượt GTLS tháng 01

Trạm	GTLS Tháng 01	Năm xuất hiện GTLS	Giá trị vượt lịch sử	Ngày xuất hiện
Lào Cai	28,8	2010	30,2	14/01/2023
Phố Ràng	29,0	2010	31,2	14/01/2023
Bắc Cạn	30,8	1980	31,5	14/01/2023
Thái Nguyên	31,1	1980	31,2	14/01/2023
Định Hóa	31,3	1980	31,4	14/01/2023
Thất Khê	31,0	1980	31,1	14/01/2023

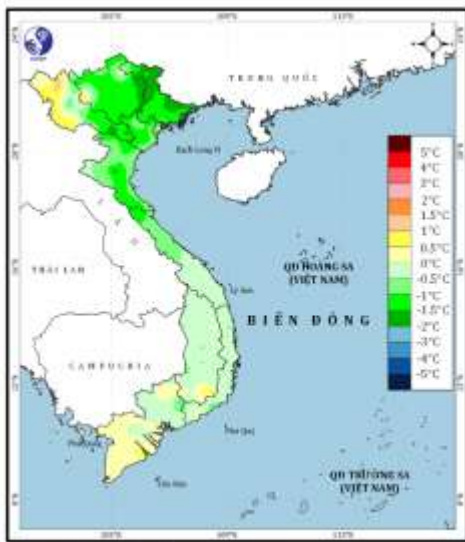
<b>Trạm</b>	<b>GTLS Tháng 01</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Giá trị vượt lịch sử</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Lạng Sơn	30,7	1969	30,8	14/01/2023
Bắc Ninh	29,9	2016	31,6	14/01/2023
Láng	31,5	1980	32,0	14/01/2023
Hoài Đức	29,0	2018	31,5	14/01/2023
Hà Đông	31,3	1980	32,0	14/01/2023
Hải Dương	29,6	1980	30,5	14/01/2023
Cúc Phương	28,7	2016	32,5	14/01/2023
Sầm Sơn	26,5	2020	31,5	14/01/2023
Tĩnh Gia	33,5	1980	34,2	14/01/2023
Quỳnh Lưu	32,8	1980	33,5	14/01/2023
Hương Sơn	29,2	2016	34,2	14/01/2023
Hà Tĩnh	34,1	2001	34,5	14/01/2023
Kỳ Anh	33,6	2001	34,2	14/01/2023
An Nhơn	31,0	2018	31,5	14/01/2023

+ Diễn biến lượng mưa:

TLM trong tháng 12/2022, tại khu vực Bắc Bộ và từ Thanh Hóa đến Quảng Bình thấp hơn từ 10-30mm so với TBNN; ngoại trừ khu vực phía Tây Bắc Bộ phổ biến cao hơn từ 10-20mm, cục bộ có nơi cao hơn từ 30-60mm so với TBNN. Các tỉnh từ Quảng Trị đến Bình Thuận cao hơn từ 60-150mm so với TBNN, riêng Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi có TLM cao hơn 150-300mm, đặc biệt tại Trà My (Quảng Nam) cao hơn 480mm so với TBNN. Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ lượng mưa phân bố không đồng đều, phía Bắc Tây Nguyên và một số nơi ở miền Đông Nam Bộ có TLM cao hơn; trong khi đó phía Nam Tây Nguyên và miền Tây Nam Bộ phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 2*).

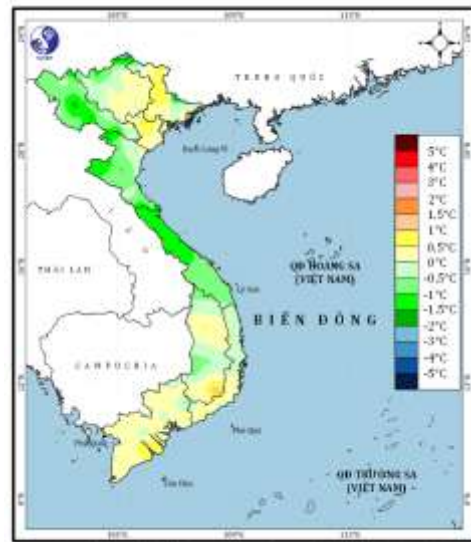
TLM trong tháng 01/2023 tại Bắc Bộ thấp hơn so với TBNN từ 10-20mm, riêng khu vực vùng núi phía bắc thấp hơn 20-50mm; khu vực Thanh Hóa đến Quảng Bình thấp hơn: 10-20mm; các khu vực còn lại của Trung Bộ cao hơn 20-70mm, riêng từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi cao hơn từ 100-150mm. Tây Nguyên và Nam Bộ cao hơn từ 10-30mm; có nơi cao hơn (*Hình 2*).

Từ đầu tháng 02/2023 đến nay, TLM ở khu vực phía Đông Bắc Bộ phổ biến cao hơn từ 30-80mm, có nơi trên 100mm như tại Vĩnh yên (Vĩnh Phúc) cao hơn tới 111mm, Lạng Sơn 147mm; khu vực phía Tây Bắc Bộ và khu vực Thanh Hóa-Nghệ An phổ biến cao hơn TBNN từ 10-30mm, có nơi cao hơn. Khu vực từ Hà Tĩnh đến Khánh Hòa phổ biến thấp hơn TBNN từ 10-30mm; các khu vực còn lại phân bố không đồng đều, phổ biến thấp hơn 3-10mm so với TBNN cùng thời kỳ, riêng khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ cục bộ có nơi lượng mưa cao hơn đáng kể như đặc biệt tại Cát Tiên (Lâm Đồng) cao hơn tới 45mm, Tây Ninh cao hơn 21mm so với TBNN.



Bản đồ tổng kết chuẩn sai nhiệt độ trung bình từ 01-31/12/2022

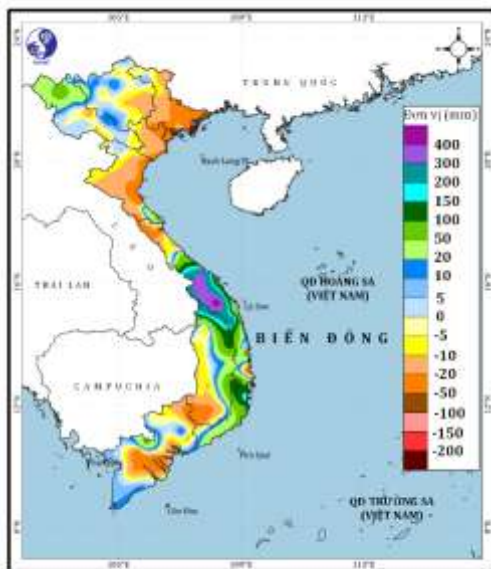
(a)



Bản đồ tổng kết chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 01/2023

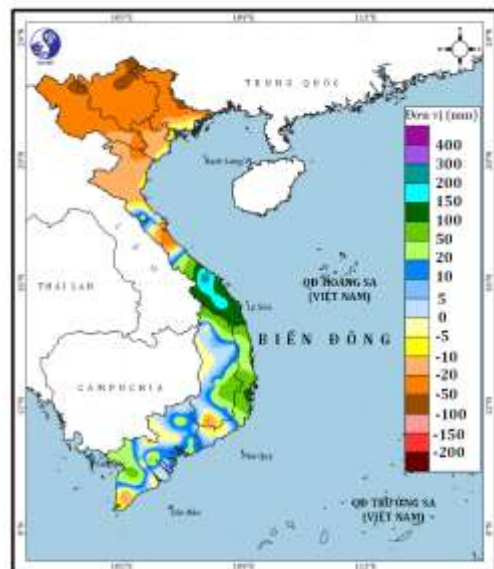
(b)

Hình 1: Bản đồ chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 12/2022-01/2023



Bản đồ tổng kết chuẩn sai lượng mưa từ 01-31/12/2022

(a)



Bản đồ tổng kết chuẩn sai lượng mưa tháng 01/2023

(b)

Hình 2: Bản đồ chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 12/2022-01/2023

## 1.2. Tình hình thủy văn, nguồn nước

+ Khu vực Bắc Bộ:

Mực nước trên các sông suối khu vực Bắc Bộ xuống dần. Dòng chảy trên các sông suối và hồ chứa khu vực Bắc Bộ phổ biến đều thiếu hụt so với TBNN từ 10-70%, thiếu hụt nhiều trên sông Thao, riêng thượng lưu sông Gâm và sông Chảy lớn hơn TBNN.

Trong tháng 01-02/2023, các hồ chứa thượng lưu lưu vực sông Hồng đã tăng cường cấp nước 02 đợt phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân năm 2023. Tổng lượng nước xả từ các hồ chứa thủy điện là 3,62 tỷ  $\text{m}^3$ . Mực nước cao nhất tại Hà Nội đạt mức 2,08m vào ngày 05/02.

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng dung tích các hồ chứa thủy điện lớn trên sông Hồng đạt 40-80% so với dung tích thiết kế (DTTK), thấp hơn năm 2022 khoảng 692 triệu m<sup>3</sup>.

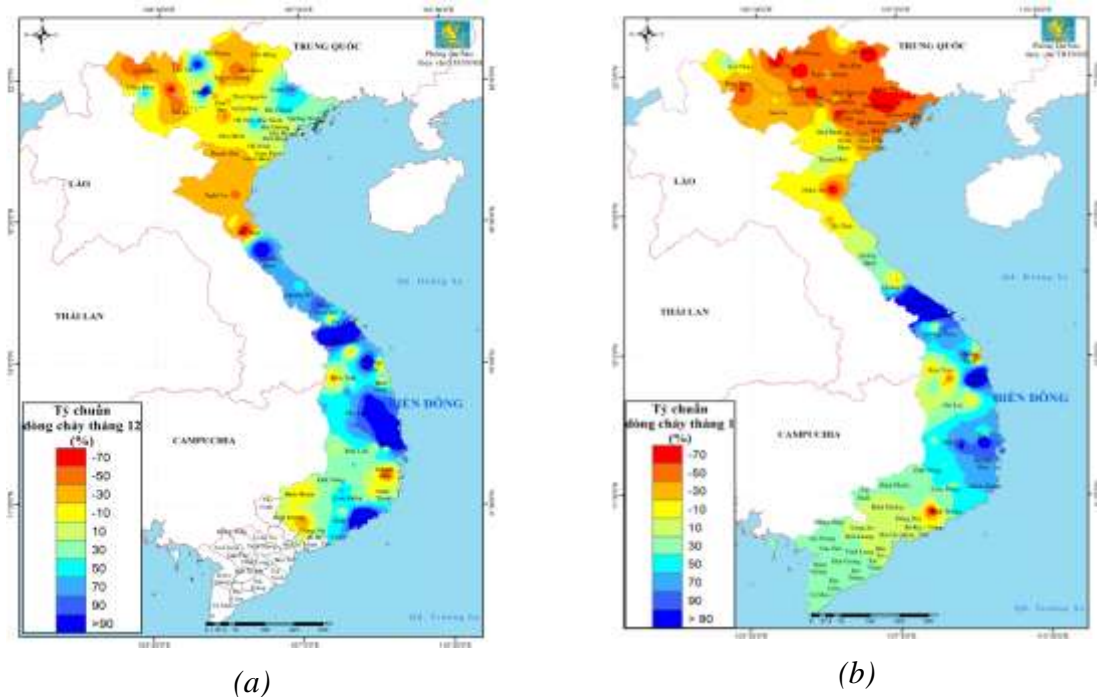
+ *Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:*

Trong tháng 12/2022, trên các sông từ Thừa Thiên Huế đến Khánh Hòa và khu vực Nam Tây Nguyên đã xuất hiện 02 đợt lũ; đỉnh lũ trên các sông phổ biến ở mức báo động (BD)1-BD2, có sông trên BD2.

Từ tháng 01/2023 đến nửa đầu tháng 02/2023, trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên đã xuất hiện 02 đợt dao động; các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh biến đổi chậm.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Bắc Tây Nguyên phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 5-40%, một số sông thấp hơn 60%; riêng các sông ở Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Khánh Hòa và khu vực Nam Tây Nguyên cao hơn TBNN từ 10-70%.

Hiện tại, mực nước các hồ chứa thủy điện trong khu vực ở mức thấp hơn mực nước dâng bình thường từ 2,0-10,0m; dung tích của các hồ chứa thủy điện phổ biến đạt từ 60-90% dung tích hồ chứa.



Hình 3: Bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 12/2022 (a) và bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 01/2023 (b)

+ *Khu vực Nam Bộ:*

Sông Đồng Nai: Mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài biến đổi chậm với xu thế xuống dần.

Sông Cửu Long: Từ đầu tháng 12/2022 đến nay, tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Công (trạm Kratie-Campuchia) về hạ lưu và Đồng bằng



sông Cửu Long (ĐBSCL) ở mức tương đương cùng kỳ TBNN (2012-2022); cao hơn cùng kỳ năm 2022 khoảng 6%.

Hiện tại, mực nước các trạm trên dòng chính sông Mê Công phổ biến ở mức tương đương và thấp hơn TBNN từ 0,1-0,6m. Mực nước Biển Hồ tại trạm Kompong Luong (Campuchia) cao hơn TBNN cùng kỳ 0,33m và cao hơn cùng kỳ năm 2022 0,44m. Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long đang dao động theo triều.

Xâm nhập mặn ở ĐBSCL có xu thế tăng dần, độ mặn ở các khu vực phổ biến ở mức thấp hơn so với độ mặn cao nhất tháng 02/2022.

### **1.3. Tình hình hải văn:**

- Sóng biển: Số liệu quan trắc vệ tinh và ObsShip đã ghi nhận sóng trong các đợt KKL tháng 01/2023 và nửa đầu tháng 02/2023 trên khu vực Bắc và giữa Biển Đông dao động từ 2,0-6,0m, vùng biển từ Quảng Trị-Ninh Thuận sóng biển cao 3,0-5,0m, vùng biển ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ và ngoài khơi Bình Thuận-Cà Mau sóng cao 2,0-4,0m,.

- Triều cường: Khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện triều cường ở mức cao vào cuối tháng 01/2023, mực nước quan trắc tại Vũng Tàu đạt 4,46m vào ngày 25/01/2023. Do ảnh hưởng của triều cường, khu vực trũng thấp, ven sông của khu vực TP. Hồ Chí Minh đã ngập úng, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân.

## **2. Dự báo khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 3 đến tháng 5/2023**

### **2.1. Khí tượng**

- *Hiện tượng ENSO*: Trạng thái La Nina hiện tại còn duy trì trong các tháng 02 và 3/2023, sau đó nhiệt độ mặt nước biển khu vực trung tâm Thái Bình Dương (khu vực NINO3.4) có xu hướng tăng dần và có khả năng chuyển dần sang trạng thái trung tính trong khoảng thời kỳ từ 4-5/2023 với xác suất khoảng 75-85%; sau đó xu hướng nhiệt độ mặt nước biển khu vực NINO3.4 tiếp tục có xu hướng tăng trong những tháng mùa hè năm 2023.

- *Không khí lạnh*: Trong nửa cuối tháng 02/2023 và tháng 3/2023 KKL hoạt động với tần suất và cường độ giảm dần, tuy nhiên vẫn còn khả năng gây ra rét đậm tại các tỉnh vùng núi và trung du Bắc Bộ.

- *Bão/ATNĐ*: Từ nay đến tháng 5/2023, bão và ATNĐ ít có khả năng xuất hiện trên Biển Đông, nhưng nhiều động nhiệt đới vẫn còn hoạt động trên khu vực phía Nam Biển Đông.

- *Nắng nóng*: Có khả năng xuất hiện ở khu vực Tây Bắc Bắc Bộ và Nam Bộ trong tháng 3; sau đó gia tăng về cường độ và lan dần sang khu vực Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ vào tháng 4-5/2023.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*: KKL, bão và ATNĐ gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên các vùng biển; ngoài ra đề phòng xuất hiện dông,

lốc, mưa đá kèm theo. Nắng nóng có khả năng ảnh hưởng đến sản xuất và sức khỏe cộng đồng ở các khu vực xảy ra nắng nóng.

- *Nhiệt độ trung bình (Hình 4a, 5a, 6a)*: Nhiệt độ trung bình tháng 3-5/2023 ở Bắc Bộ phổ biến cao hơn  $0,5^{\circ}\text{C}$  so với TBNN; riêng tháng 3/2023 nhiệt độ cao hơn từ  $0,5-1,0^{\circ}\text{C}$ , tại khu vực Trung Bộ nhiệt độ trung bình cao hơn  $0,5^{\circ}\text{C}$  so với TBNN; riêng Trung-Nam Trung Bộ thấp hơn  $0,5^{\circ}\text{C}$ , khu vực Tây Nguyên-Nam Bộ trong tháng 3-4/2023 nhiệt độ trung bình thấp hơn từ  $0,5^{\circ}\text{C}$ , có nơi thấp hơn so với TBNN; từ tháng 5/2023 nhiệt độ trung bình có xu hướng cao hơn khoảng  $0,5^{\circ}\text{C}$  so với TBNN cùng thời kỳ.

- *Lượng mưa (Hình 4b, 5b, 6b)*:

+ Khu vực Bắc Bộ:

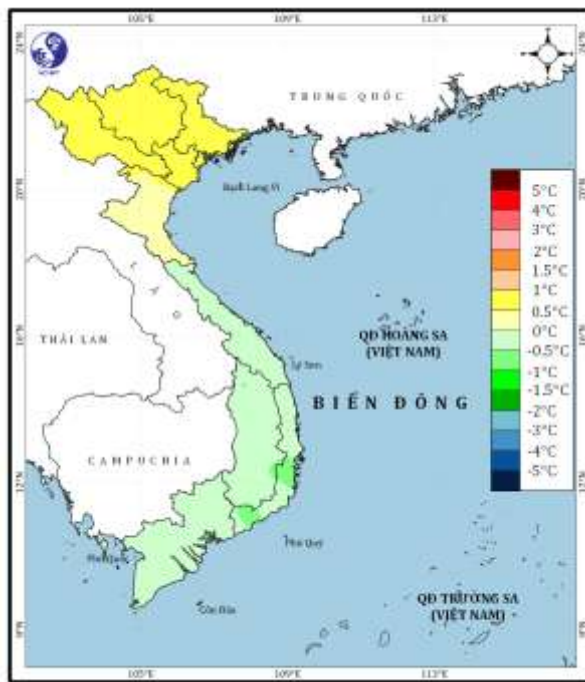
Tháng 3-5/2023: TLM phổ biến xấp xỉ TBNN, riêng tháng 3 tại khu vùng núi phía Đông Bắc Bộ TLM thiết hụt từ 15-30% so với TBNN.

+ Khu vực Trung Bộ:

Tháng 3-5/2023: TLM có xu hướng cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 5-10% phía Nam có nơi cao hơn; riêng khu vực Thanh Hóa-Thừa Thiên Huế trong tháng 5/2023 TLM có xu hướng thấp hơn từ 5-15%.

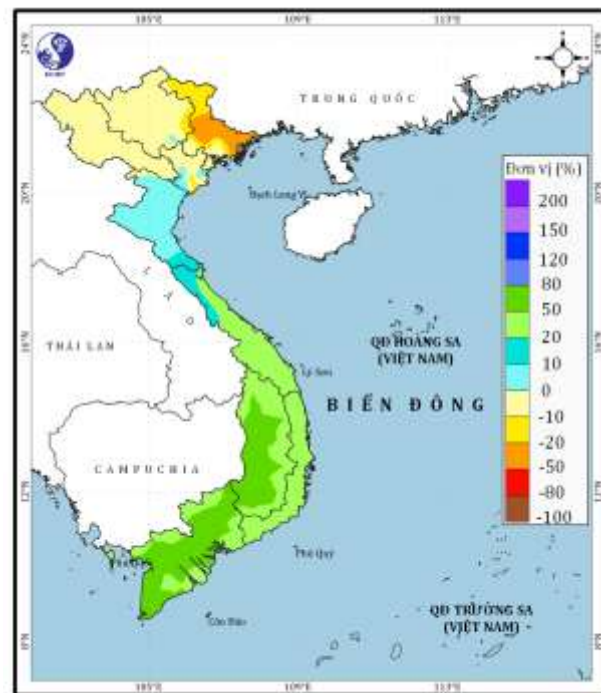
+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ:

Tháng 3/2023 vẫn có khả năng xuất hiện mưa dông trái mùa cục bộ, TLM phổ biến cao hơn 30-60% so với TBNN cùng thời kỳ. *Mùa mưa ở khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ có khả năng bắt đầu sớm hơn so với trung bình hàng năm* và trong tháng 4-5/2023 TLM phổ biến cao hơn từ 10-25% so với TBNN.



Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 3/2023

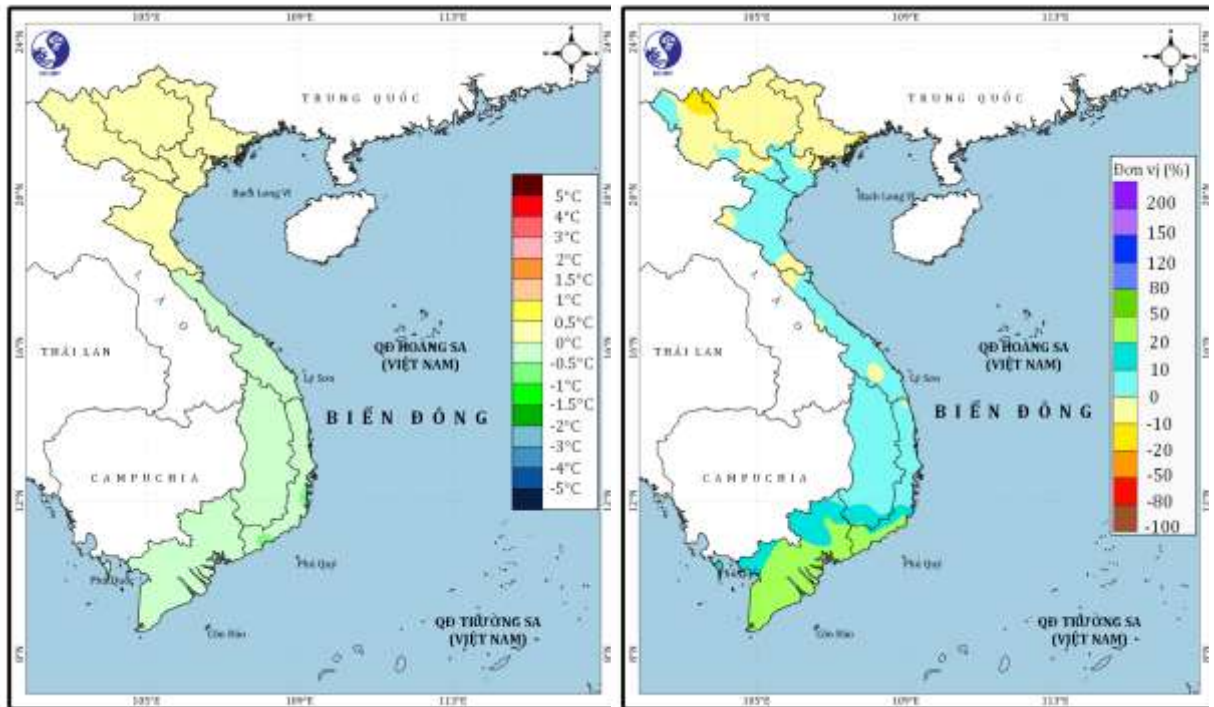
(a)



Bản đồ dự báo tỷ chuẩn lượng mưa tháng 3/2023

(b)

Hình 4: Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 3/2023 (a) và dự báo tỷ chuẩn (%) lượng mưa tháng 3/2023 (b)



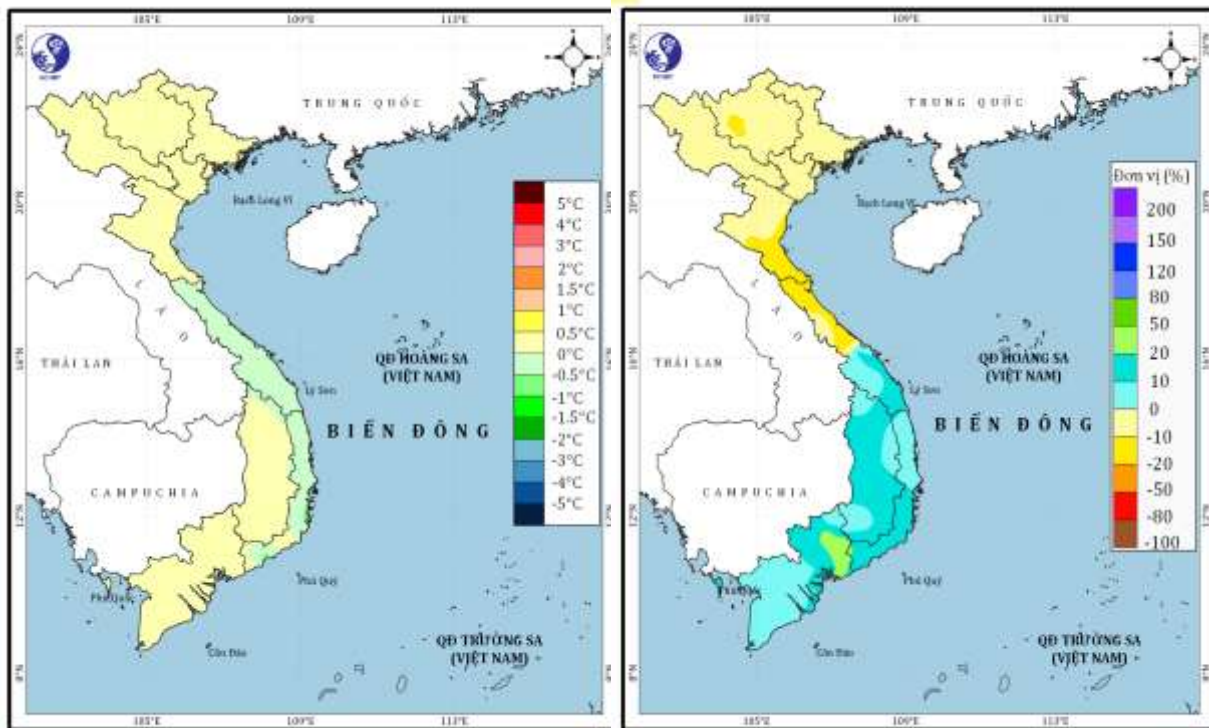
Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 4/2023

Bản đồ dự báo tỷ chuẩn lượng mưa tháng 4/2023

(a)

(b)

Hình 5: Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 4/2023 (a) và dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) mưa tháng 4/2023 (b)



Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 5/2023

Bản đồ dự báo tỷ chuẩn lượng mưa tháng 5/2023

(a)

(b)

Hình 6: Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 5/2023 (a) và dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) lượng mưa tháng 5/2023 (b)



Bảng 4: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa phổ biến từ tháng 3-5/2023

Khu vực dự báo	Tháng 3/2023		Tháng 4/2023		Tháng 5/2023	
	Ttb (°C)	R(mm)	Ttb (°C)	R(mm)	Ttb (°C)	R(mm)
Sơn La (Tây Bắc)	21,5-22,5	50-80	23,5-24,5	80-150	25,0-26,0	150-200
Việt Trì (Việt Bắc)	21,5-22,5	40-70	24,5-25,5	70-120	27,5-28,5	150-200
Hải Phòng (Đông Bắc)	20,0-21,0	40-70	23,5-24,5	40-70	26,5-27,5	150-200
Hà Đông (Đông Bắc Bộ)	21,5-22,5	40-70	24,0-25,0	70-120	27,5-28,5	150-200
Vinh (Bắc Trung Bộ)	21,0-22,0	50-80	24,5-25,0	50-80	28,5-29,5	80-150
Huế (Trung Trung Bộ)	23,0-24,0	60-90	25,5-26,5	70-120	28,0-29,0	80-150
Nha Trang (Nam Trung Bộ)	25,0-26,0	60-90	27,0-28,0	40-70	28,5-29,5	70-120
Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên)	24,0-25,0	30-50	25,5-26,5	70-120	26,0-27,0	200-250
Châu Đốc (Nam Bộ)	26,5-27,5	15-30	28,0-29,0	70-120	28,5-29,5	140-180

## 2.2. Thủy văn và nguồn nước

### + Khu vực Bắc Bộ:

Mực nước trên các sông suối khu vực Bắc Bộ tiếp tục biến đổi chậm theo xu thế xuống. Dòng chảy đến các hồ chứa trên sông Đà, sông Gâm và sông Chảy thiếu hụt so với TBNN từ 10-30%, riêng dòng chảy đến hồ Sơn La và Hòa Bình lớn hơn TBNN do các hồ chứa thượng nguồn cấp nước bổ sung; trên sông Thao và sông Lô thiếu hụt từ 20-50%. Nguy cơ xảy ra thiếu nước cục bộ có khả năng xuất hiện tại khu vực Tây Bắc trong mùa khô năm 2023.

### + Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:

Từ nửa cuối tháng 02 đến tháng 5/2023, mực nước trên các sông các sông khác ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên biến đổi chậm.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Bắc Tây Nguyên phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 10-60%; riêng các sông từ Thừa Thiên Huế đến Khánh Hòa và khu vực Nam Tây Nguyên ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN từ 15-55%.

### + Khu vực Nam Bộ:

Sông Đồng Nai: Mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài biến đổi chậm với xu thế xuống dần.

Sông Cửu Long: Từ nay đến hết tháng 5/2023, tại ĐBSCL khả năng xuất hiện thêm 02-03 đợt xâm nhập mặn tăng cao, tập trung trong nửa cuối tháng 02

và tháng 3/2023 (thời kỳ từ 18-24/02, từ 18-25/3); các sông Vàm Cỏ, Cái Lớn vào tháng 3 và 4/2023 (thời kỳ từ 18/3-25/3, từ 17-23/4); sau đó giảm dần.

*Tình hình xâm nhập mặn ở ĐBSCL phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Công, triều cường và còn biến động trong thời gian tới. Các địa phương ở vùng ĐBSCL cần cập nhật kịp thời các thông tin dự báo khí tượng thủy văn và có các biện pháp chủ động phòng chống xâm nhập mặn.*

*Bảng 5: Dự báo thủy văn từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023*

Sông	Trạm	Tháng 3/2023			Tháng 4/2023			Tháng 5/2023		
		H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)
<b>Đà</b>	Hồ Hòa Bình (Q)	40	2160	520	40	2180	680	40	2360	960
<b>Thao</b>	Yên Bái	2360	2450	2400	2400	2530	2450	2450	2750	2570
	Phú Thọ	1080	1170	1120	1120	1230	1180	1150	1350	1250
<b>Lô</b>	Tuyên Quang	1230	1520	1320	1220	1500	1280	1250	1560	1330
	Vụ Quang	470	700	550	460	670	530	480	680	550
<b>Cầu</b>	Đáp Cầu	-5	165	65	1	170	70	5	180	80
<b>Thương</b>	Phù Lãng Thương	-15	165	60	-10	170	65	-5	180	70
<b>Lục Nam</b>	Lục Nam	-20	160	55	-15	160	60	-10	180	65
<b>Thái Bình</b>	Phả Lại	-25	160	60	-15	165	65	-10	170	75
<b>Hồng</b>	Hà Nội	30	170	100	40	180	110	50	240	140
<b>Hoàng Long</b>	Bến Đẽ	-15	100	40	-15	95	45	-10	130	60
<b>Mã</b>	Giàng	-115	175	28	-100	170	35	-90	200	55
<b>Cả</b>	Nam Đàn	-45	125	40	-45	140	45	-50	160	47
<b>La</b>	Linh cảm	-115	140	15	-110	150	25	-105	175	30
<b>Giang</b>	Mai Hóa	-86	105	11	-87	102	8	-90	110	10
<b>Hương</b>	Kim Long	7	50	33	6	48	30	8	50	32
<b>Thu Bồn</b>	Câu Lâu	-50	75	10	-54	76	9	-56	80	11
<b>Trà Khúc</b>	Trà Khúc	10	95	43	10	92	35	5	100	38
<b>Kôn</b>	Thạnh Hòa	635	680	660	615	670	650	650	695	635
<b>Đà Rằng</b>	Phú Lâm	-95	65	-10	-100	55	-8	-105	50	-12
<b>Đăkbla</b>	Kon Tum	51510	51615	51570	51485	51600	51555	51470	51590	51560
<b>Krông Ana</b>	Giang Sơn	41530	41565	41545	41510	41580	41550	41535	41630	41590
<b>Đồng Nai</b>	Tà Lài	11020	11055	11040	11025	11065	11035	11035	11085	11050
<b>Tiền</b>	Tân Châu	-20	150	65	-20	165	90	5	175	100
<b>Hậu</b>	Châu Đốc	-20	160	70	-20	175	95	5	185	105

Bảng 6: Dự báo nguồn nước từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023

Sông	Trạm	Tháng 3/2023		Tháng 4/2023		Tháng 5/2023	
		Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )
Đà	Hồ Hòa Bình	30-50	1393	70-120	1763	220-280	2571
Thao	Yên Bái	60-90	214	80-130	363	200-250	937
Lô	Tuyên Quang	50-80	568	80-130	415	220-280	611
Hồng	Hà Nội	30-60	2812	70-120	2462	180-220	2946
Cầu	Gia Bảy	30-60	51	70-120	57	130-180	67
Lục Nam	Chũ	70-120	8	70-120	7	220-280	27
Mã	Cẩm Thủy	40-70	348	80-130	337	180-220	509
Cả	Yên Thượng	50-80	535	70-120	492	130-180	669
La	Hòa Duyệt	70-100	112.5	70-120	98.5	150-200	147
Tả Trạch	Thượng Nhật	80-130	45.5	100-150	36.3	200-250	42.9
Thu Bồn	Nông Sơn	100-150	388	80-130	290	270-320	348
Trà Khúc	Sơn Giang	100-150	335	80-130	249	180-250	267
Ba	Củng Sơn	50-80	121	50-80	124	100-150	160
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	60-90	94	40-70	83	70-120	120
ĐăkBlá	KonTum	50-80	95.1	100-150	54.3	230-300	69.1
Srêpôk	Giang Sơn	30-50	91.6	70-120	92.3	200-250	127
Tiền	Tân Châu	15-30	10500	70-120	12050	140-180	18000
Hậu	Châu Đốc	15-30	1450	70-120	1710	140-180	2520

### 2.3. Hải văn

- Sóng biển: Các đợt KKL cuối tháng 02 và đầu tháng 3/2023 vẫn có khả năng gây sóng cao 3,0-6,0m ở khu vực Bắc và Giữa Biển Đông, ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải, các tàu trọng tải nhỏ và tàu cá có thể bị đánh đắm. Tại vùng biển ngoài khơi Trung Bộ sóng biển có thể cao 3-5m, ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ và vùng biển Bình Thuận-Cà Mau sóng cao 2-3m, nguy cơ cao ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt của bà con ngư dân, nguy cơ sạt lở bờ biển khu vực ven biển Trung Bộ do sóng lớn ở mức trung bình. Trên vùng biển Cà Mau-Kiên Giang sóng biển chỉ phổ biến dao động trong khoảng 1,0-2,0m.

- Nước dâng do gió mùa: Trong nửa cuối tháng 02 đến đầu tháng 3/2023 khu vực ven biển Trung Bộ (các tỉnh từ Phú Yên trở vào phía Nam) và ven biển Đông Nam Bộ có khả năng xuất hiện nước dâng do gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh (độ cao nước dâng do gió mùa khoảng 0,15-0,25m với xác suất

khoảng 70%). Do ảnh hưởng của của nước dâng do gió mùa kết hợp sóng lớn nguy cơ (ở mức trung bình) gây sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Triều cường: Từ nửa cuối tháng 02 đến tháng 5/2023, tại khu vực ven biển Nam Bộ sẽ xuất hiện 07 đợt triều cường: Đợt 1 từ ngày 19-24/02, đợt 2 từ ngày 09-11/3, đợt 3 từ ngày 20-25/3, đợt 4 từ ngày 07-09/4, đợt 5 từ ngày 18-22/4, đợt 6 từ ngày 6-10/5 và đợt 7 từ ngày 16-22/5. Đợt triều cường từ ngày 19-24/02 và từ ngày 20-25/3, mực nước trạm Vũng Tàu có khả năng cao trên 4m. Riêng đợt triều cường cuối tháng 2/2023 (từ ngày 19-24/02/2023) do ảnh hưởng của triều cường kết hợp với sóng lớn trên 2m gây ngập úng ở vùng trũng, thấp và khu vực ngoài đê bao ven biển Đông Nam Bộ, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

- Dự tính thủy triều:

*Bảng 7: Dự tính thủy triều từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023*

Vị trí	Tháng 03/2023						Tháng 4/2023						Tháng 5/2023					
	Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng		
	Hx	T.gian	Ngày	Hm	T.gian	Ngày	Hx	T.gian	Ngày	Hm	T.gian	Ngày	Hx	T.gian	Ngày	Hm	T.gian	Ngày
Cô Tô	397	23h53	17	38	9h36	17	399	21h20	13	23	7h00	13	419	20h00	11	0	5h57	19
Bạch Long Vỹ	348	1h25	19	38	12h41	18	346	21h25	13	34	10h00	14	364	18h58	10	20	7h44	11
Hòn Ngur	255	1h59	19	11	17h56	20	246	23h36	14	13	10h54	13	260	18h03	9	-1	9h50	11
Hoàng Sa	126	14h54	16	5	0h00	16	132	12h13	12	0	23h18	13	144	11h02	10	-11	20h30	10
Lý Sơn	181	17h39	18	62	2h24	18	184	13h19	13	53	20h25	11	194	11h17	10	40	19h26	9
Trường Sa	310	18h09	18	165	2h42	18	316	12h31	12	169	23h52	13	328	11h24	10	155	20h02	9
Phú Quý	290	15h55	17	150	4h08	19	289	14h29	13	133	22h32	12	289	13h27	11	117	21h39	10



Côn Đảo	350	2h57	23	63	7h20	20	341	3h04	21	74	0h51	13	330	4h32	8	59	0h35	12
Thỏ Chù	123	22h42	16	85	11h33	16	124	18h16	11	83	9h06	12	128	16h12	8	79	7h09	9

### 3. Xu thế khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 6-8/2023

#### 3.1. Khí tượng

- *Hiện tượng ENSO*: Nhiệt độ mặt nước biển khu vực trung tâm Thái Bình Dương tiếp tục tăng dần và ENSO duy trì trạng thái trung tính và nghiêng về pha nóng trong các tháng mùa hè.

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 6-8/2023, số lượng bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông có khả năng tương đương với TBNN cùng thời kỳ (khoảng 4-5 cơn bão/ATNĐ trên Biển Đông), và có khả năng xuất hiện từ nửa cuối tháng 6/2023.

- *Nắng nóng*: Từ tháng 6-8/2023 nắng nóng xảy ra chủ yếu ở khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ, cường độ nắng nóng có khả năng gay gắt hơn so với cùng thời kỳ năm 2022.

- *Xu thế nhiệt độ trung bình*: Trên phạm vi toàn quốc nhiệt độ phổ biến ở mức cao hơn khoảng 0,5<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ.

- *Xu thế lượng mưa*:

+ Khu vực Bắc Bộ:

Trong tháng 6-8/2023, TLM phổ biến thấp hơn TBNN khoảng từ 5-15%, riêng trong tháng 6/2023 TLM xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Trung Bộ:

Tháng 6-8/2023, TLM phổ biến cao hơn so với TBNN từ 5-10%, có nơi cao hơn; riêng tháng 6/2023 tại khu vực Thanh Hóa-Thừa Thiên Huế TLM thấp hơn từ 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ:

Từ tháng 6-8/2023, tại khu vực Tây Nguyên TLM phổ biến cao hơn từ 10-25% so với TBNN, riêng khu vực Nam Bộ TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

#### 3.2. Thủy văn và nguồn nước

+ *Khu vực Bắc Bộ*:

Lượng dòng chảy đến các hồ chứa lớn trên lưu vực sông Đà có khả năng xấp xỉ so với TBNN từ 10-20%, các hồ chứa trên sông Gâm và sông Chảy cao hơn TBNN từ 10-30%; trên các lưu vực sông ở khu vực Bắc Bộ phổ biến ở thiếu hụt từ 10-30% so với TBNN.

+ *Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:*

Từ tháng 6 đến tháng 8/2023, trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh, Bình Thuận và khu vực Tây Nguyên xuất hiện các đợt lũ và dao động; các sông từ Quảng Bình đến Ninh Thuận biến đổi chậm và theo xu thế xuống dần.

Lượng dòng chảy trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Bắc Tây Nguyên phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 25-60%; riêng các sông ở Thanh Hóa, Hà Tĩnh từ Thừa Thiên Huế đến Bình Định, Khánh Hòa và khu vực Nam Tây Nguyên ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN từ 5-45%.

+ *Khu vực Nam Bộ:*

Sông Đồng Nai: Mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài có dao động và theo xu thế lên dần.

Sông Cửu Long: Từ tháng 6-8/2023, mực nước sông Mê Công, đầu nguồn sông Cửu long lên dần; tổng lượng dòng chảy tại các trạm trên dòng chính sông Mê Công ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 5-10%; mực nước đầu nguồn sông Cửu Long ở mức xấp xỉ TBNN.

### **3.3. Hải văn**

Trong tháng 6-8/2023, khu vực biển phía Nam có khả năng chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam nên độ cao sóng ở khu vực ngoài khơi Đông Nam Bộ có thể đạt 2-4m và tại vùng biển ven bờ Cà Mau Kiên Giang sóng biển cao 1,5-2,5m (với xác suất trên 70%). Tại ven biển Tây Nam Bộ, khoảng từ cuối tháng 7/2023 và tháng 8/2023 cần đề phòng mực nước biển dâng cao bất thường gây sạt lở đê biển trong thời gian xuất hiện triều cường kết hợp với gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh (xác suất 70%).

Từ tháng 6/2023 đến tháng 8/2023, mực nước triều tại trạm Vũng Tàu đều ở mức dưới 4,0m. Thời điểm này, khu vực ven biển Đông Nam Bộ không bị tác động của gió mùa Đông Bắc, do vậy ít có khả năng triều cường gây ngập úng ở vùng trũng, thấp.

*Tin phát ngày: 15/02/2023.*

*Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15/3/2023./.*

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ TN&MT;
- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Ban chỉ đạo quốc gia về PCTT;
- Văn phòng UBQG UPSC thiên tai&TKCN;
- Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (Bộ QP);
- Cục BĐKH; Cục Quản lý TNN;
- Viện KTTV&BĐKH; Viện ĐC&KS;
- Ủy ban sông Mê Công Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng cục KTTV;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục KTTV;
- Lãnh đạo Trung tâm, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, DBKH. ĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Phúc Lâm**